

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 10-7-2019

V/v “*Tranh chấp*

Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-DS ngày 07/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-DS ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Công H, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồi Mạ, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

* *Đồng bị đơn:*

- Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1980 (có mặt)

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn Tân Lập, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị Hồng, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Do ông Hoàng Công H, sinh năm 1966 đại diện theo ủy quyền tại giấy ủy quyền ngày 13/11/2018 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đồi Mạ, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/11/2018 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Hoàng Công H trình bày:

Do có quen biết nhau nên ông đã cho vợ chồng anh K, chị H vay số tiền gốc tổng là 80.000.000 đồng cụ thể vay hai lần như sau:

+Ngày 28/9/2016 âm lịch tức ngày 28/10/2016 dương lịch vay là 50.000.000 đồng.

+Ngày 30/9/2016 âm lịch tức ngày 30/10/2016 dương lịch vay là 30.000.000 đồng.

Theo giấy vay tiền đề ngày 28/10/2016, hai bên có thỏa thuận lãi bằng miệng, không ghi vào biên bản vay tiền. Khi vay thì chị H có mặt tại lúc vay và nói vợ chồng vay để làm ăn kinh tế gia đình. Khi ông đưa tiền cho chị H vay thì có vợ chồng ông và chị H, ngoài ra không có ai. Ông xác định số tiền cho vợ chồng anh K, chị H vay là số tiền chung của vợ chồng ông và đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh K, chị H nên ông đề nghị vợ chồng anh K, chị H cùng có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông. Khi vay hẹn 01 tháng trả nhưng anh K, chị H từ đó đến nay ông đã đòi nhiều lần nhưng chị H, anh K không trả. Ông đề nghị vợ chồng anh K, chị H trả nợ ông số tiền gốc nợ là 80.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền nhưng trừ đi cho anh K, chị H ngày 25/4/2019 đã trả cho ông được 15.000.000 đồng tiền gốc, do vậy số tiền gốc còn nợ vợ chồng ông đến nay là 65.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước. Việc trả nợ 15.000.000 đồng của anh K và chị H trên là trả vào tiền gốc và không có viết giấy tờ gì. Ông khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy biên nhận vay tiền trên là do chị H viết và ký.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng Công H có mặt trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông thừa nhận anh K, chị H đã trả được số tiền 15.000.000 đồng cho ông ngày 25/4/2019 là trả vào tiền gốc và ông đề nghị trừ số tiền này vào tổng số tiền gốc cho anh K, chị H. Nay ông yêu cầu vợ chồng anh K, chị H có trách nhiệm trả vợ chồng số nợ gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2019.

* Tại các buổi làm việc của Tòa án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, hòa giải bị đơn anh K và chị H đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị H có mặt trình bày:

Chị thừa nhận ngày 28/10/2016 và ngày 30/10/2016 vợ chồng chị có vay của ông H hai lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi miệng, không ghi vào giấy vay nợ. Chị thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ngày 28/10/2016 là chữ viết và chữ ký của chị. Lúc vay và nhận tiền thì có chị và vợ chồng ông H, ngoài ra không còn ai. Chị xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị. Từ khi vay vợ chồng chị đã trả lãi cho ông H được khoảng 40 triệu đồng vào thời gian cụ thể thì chị không nhớ, chỉ nhớ trả lãi đến khoảng tháng 9, tháng 10/2017, việc trả lãi trên chỉ đưa tay và nói miệng không có ghi văn bản giấy tờ gì. Chị xác định ngày 25/4/2019 vợ chồng chị đã trả hết 80.000.000 đồng tiền

gốc cho ông H chứ không phải trả 15.000.000 đồng như ông H khai. Khi trả tiền chị có ghi vào bản gốc của ông H và do ông H giữ nên chị không xuất trình được cho Tòa án, chị đề nghị Tòa án yêu cầu ông H xuất trình giấy tờ gốc đó. Nay quan điểm của chị là không đồng ý trả số tiền gốc như ông H khởi kiện yêu cầu trả 80.000.000 đồng tiền gốc theo giấy vay tiền đề ngày 28/10/2016 vì vợ chồng chị đã trả hết số tiền trên. Còn về phần yêu cầu trả lãi của ông H thì về lãi chị đồng ý trả ông H nhưng là để trả dần.

* Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Đình K có mặt trình bày:

Anh thừa nhận ngày 28/10/2016 và ngày 30/10/2016 vợ chồng anh có vay của ông H hai lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi miệng, không ghi vào giấy vay nợ. Lúc vay và nhận tiền thì chỉ có chị H và vợ chồng ông H, anh không có mặt vì anh đi làm ăn nhưng chị H đều thông báo cho anh biết, chỉ sau này ông H mới bảo anh ký vào giấy vay tiền. Anh xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh vì vay tiền để làm ăn kinh tế. Từ khi vay vợ chồng anh đã trả lãi cho ông H được khoảng 40 triệu đồng vào thời gian cụ thể thì anh không nhớ, trả làm nhiều lần, việc trả lãi trên chỉ đưa tay và nói miệng không có ghi văn bản giấy tờ gì. Anh xác định ngày 25/4/2019, anh có đưa cho vợ anh số tiền 80.000.000 đồng để trả cho ông H. Vợ chồng anh đã trả hết 80.000.000 đồng tiền gốc cho ông H chứ không phải trả 15.000.000 đồng như ông H khai. Khi trả tiền thì vợ anh là chị H có ghi vào bản gốc của ông H và do ông H giữ nên anh không xuất trình được cho Tòa án, anh đề nghị Tòa án yêu cầu ông H xuất trình giấy tờ gốc đó. Nay quan điểm của anh là không đồng ý trả số tiền gốc như ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả 80.000.000 đồng tiền gốc theo giấy vay tiền đề ngày 28/10/2016 vì vợ chồng anh đã trả hết số tiền trên. Còn về phần yêu cầu trả lãi của ông H thì lãi anh đồng ý trả ông H nhưng là để trả sau.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Hồng tại bản tự khai có trình bày (BL 21): Bà xác nhận vợ chồng anh K, chị H có vay nợ vợ chồng bà tổng số tiền gốc hai lần vay là 80.000.000 đồng. Nay bà đề nghị Tòa án buộc anh K, chị H phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 80.000.000 đồng và số tiền lãi đến ngày khởi kiện là 15.500.000 đồng. Bà đã có giấy ủy quyền cho chồng là ông Hoàng Công H được thay bà toàn quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị Hồng vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh K, chị H vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/02/2019, ngày 26/3/2019 và ngày 13/5/2019 vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều

72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Hồng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công H; Buộc anh K, chị H phải trả cho ông H, bà Hồng tổng số tiền là 80.258.500 đồng (trong đó 65.000.000 đồng tiền nợ gốc và 15.258.500 đồng tiền lãi).

Về án phí: Anh K, chị H phải chịu 4.013.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Hoàng Công H và anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Hoàng Công H có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ là 65.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2019 được xác định là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Công H, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

- Tại giấy vay tiền ngày 28/10/2016 số tiền là 80.000.000 đồng, có chữ ký của chị Nguyễn Thị H và ông Hoàng công H; ông H và chị H đều khẳng định chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là chữ viết và chữ ký của chị H. Tại các buổi làm việc và hòa giải của Tòa án thì anh K, chị H đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích cho mình, chỉ có một đơn xin gia hạn trả nợ ngày 27/01/2019. Tại phiên tòa hôm nay anh K, chị H có mặt cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Mặt khác, ông H trình bày tuy trong giấy vay tiền chỉ có mình chị H ký nhưng vay tiền mục đích vay của anh K và chị H để làm ăn kinh tế gia đình, ông xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh K, chị H. Vào ngày 25/04/2019 ông H có khai bổ sung là anh K, chị H đã trả cho vợ chồng ông được 15.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 25/04/2019. Tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu anh K, chị H phải trả 65.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc

anh K, chị H có trách nhiệm phải trả nợ cho ông H, bà Hồng số tiền gốc còn nợ là 65.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Số tiền lãi ông H yêu cầu trả theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2019 thì thấy: Tại giấy vay tiền ngày 28/10/2016 đương lịch được ký kết giữa các bên thì lúc này Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực và tại phiên tòa ngày hôm nay ông H yêu cầu lãi suất theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định Anh K, chị H có mặt cũng không thỏa thuận được về lãi suất thì Hội đồng xét xử thấy do các bên khi vay có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, chỉ thỏa thuận miệng, ông H trình bày anh K, chị H chưa trả được cho ông tiền lãi, chị H anh K trình bày đã trả được khoảng 40 triệu tiền lãi nhưng cũng không xuất trình được chứng cứ về việc trả lãi. Do vậy, ông H yêu cầu chị H, anh K trả tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Cụ thể tiền lãi được tính như sau: Thời điểm từ ngày 01/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2019 là 02 năm 07 tháng 09 ngày số tiền lãi là: $02 \text{ năm} \times 65.000.000 \text{ đồng} \times 9\% + 07 \text{ tháng} \times 65.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% + 09 \text{ ngày} \times 65.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% = 11.700.000 \text{ đồng} + 3.413.000 \text{ đồng} + 146.000 \text{ đồng} = 15.259.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số tiền mà anh K, chị H còn phải trả cho ông H, bà Hồng cả gốc và lãi là 80.259.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 65.000.000 đồng và tiền lãi là 15.259.000 đồng.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa, ông H và anh K, chị H có mặt không thỏa thuận được lãi suất chậm thì hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được chấp nhận nên anh K, chị H phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu là: $80.259.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.013.000 \text{ đồng}.$

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 27; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 471; Điều 473; Điều 474; khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công H. Buộc anh Nguyễn Đình K, chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Công H và bà Vũ Thị Hồng tổng số tiền là 80.259.000 đồng (Tám mươi triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng). Trong đó số tiền gốc là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 15.259.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí: Anh Nguyễn Đình K và chị Nguyễn Thị H phải chịu 4.013.000 đồng (Bốn triệu không trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Hoàng Công H số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002255 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn; Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Vân